

Phan Rang -

# VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOẢNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 9 - Số 97, Ngày 18-10-50 (8-9 Canh-Dần), Phật lịch 2513

Hội Đồng Kiểm-Duyệt Giáo-Lý Phật-Giáo Trung-Việt  
và Tổng Trì Sư Hội Việt Nam Phật Học duyệt y.

# MỤC LỤC

- 1) Địa vị con người trong đạo Phật *Thích Thuần-Minh*
- 2) Ưu bà tắc (số 4) (*Kinh-học*) *Thích Trí-Quang*
- 3) Nhân vị trong đạo Phật *Thích Minh-Châu*
- 4) Muốn được yên vui sanh lòn, chúng ta cần phải học Phật (*Bài-giăng*) *Thích Thiện-Siêu*
- 5) Những Mẩu Chuyện Đạo *Thích Minh-Châu*
- 6) Theo gót người xưa
- 7) Tín tức

## TIN TỨC

**TỔNG TRỊ SỰ.** — 1) Gia-Đình Phật-Hóa-Phồ Tổng-Trị-Sự sẽ tổ chức một lớp Huấn-luyện Huynh-Trưởng Gia-Đình Phật-Hóa-Phồ cho các Tỉnh-Hội và Chi-Hội về học tại Tổng-Hội-Quán vào ngày 24 đến 31-12-50 Đơn xin dự học gửi về Tổng-Trị-Sự trước ngày 25-11-50.

2) Đề công-việc phát-hành kinh sách của T.T.S. được đề dăng, yêu cầu các Tỉnh-Hội, Chi-Hội, Khuôn Tịnh-Độ và các phật-tử cố gắng thanh-toán các số tiền hoặc kinh sách còn lại của Ban Phát-Hành Văn-Hóa T.T.S.

**QUẢNG TRỊ.** — Tỉnh-Hội Quảng-Trị đã nhóm Đại-Hội-Đồng bắt-thường ngày 10-9-50 bầu đạo-hữu LÊ-ĐÌNH-NGOẠN chánh-thư-ký thay Đạo-hữu Cao-trọng-Phiệt.

**THỪA THIÊN.** — Đã nhận được số tiền hai ngàn đồng (2.000\$) về phụ nập thêm niên-liễm niên-khoá 1950

**QUẢNG NAM.** — Tỉnh-Hội Quảng-Nam đã nhóm Đại-hội-đồng bắt thường bầu Đạo-hữu THÁI-PHƯƠNG Chánh-Hội-Trưởng tỉnh Hội thay Đạo-hữu Hoàng-hữu-Khác.

# ĐỊA VỊ CON NGƯỜI TRONG ĐẠO PHẬT

Người là tối thắng vì có thể  
thật hiện tất cả mọi sự tốt đẹp.

Kinh HOA-NGHIÊM

## I. - ĐẶC ĐIỂM CỦA CON NGƯỜI.

*Thật lẽ con người là một động vật thì tất nhiên cũng đầy đủ bao nhiêu thú tánh, dục vọng, làm lỗ, tội ác. Tuy vậy, trong con mắt của đạo Phật, đạo Phật chỉ nhìn thấy và chỉ quý trọng những đặc điểm của con người. Những đặc điểm ấy là gì? Luận Đại-Tỳ-Bà-Sa nói có ba thứ:*

- 1) Tư-tưởng sắc sảo.
- 2) Năng lực thừa tải,
- 3) Hành động quả cảm.

*Cho nên kinh Hoa-Nghiêm, một bộ kinh tối cao của đạo Phật, nói: « Nhân thị tối thắng, năng sanh nhất thế chư thiện pháp cố » Nghĩa là con người rất thế thắng, vì có thể thật hiện hết thảy mọi sự tốt đẹp.*

*Do những đặc điểm mà đạo Phật đã xác nhận ở con người ấy chúng ta thấy không những cách đây 2512 năm, mà từ đây cho đến muôn thế hệ sau nữa, chỉ có đạo Phật mới nâng cao giá trị con người. Cho nên, trong đạo Phật, con người có một địa-vị đặc biệt.*

## II. - ĐỊA VỊ CON NGƯỜI TRONG XÃ-HỘI LOÀI NGƯỜI.

Trước hết, đứng trong phạm-vi loài người, mà nhận xét, thì trên lý thuyết cũng như trên sự thật, đạo Phật bảo con người là trung tâm điểm của xã hội loài người, bởi vì hành động của con người tác động và chi phối toàn thể xã hội ấy. Tất cả tổ chức của xã hội loài người đều do con người phát sinh và đều phát sinh vì con người. Cho nên địa-vị con người trong xã hội loài người là cái địa-vị căn bản, địa-vị chủ-nhân-ông.

Tiến lên một bước nữa thì, như chúng ta thấy, hành động của con người chi phối toàn diện xã hội, nói khác đi, toàn thể tổ chức xã hội tiến hóa hay thoái hóa đều chuyển biến theo năng lực hoạt động của con người. Cho nên, với ba đức tánh đặc biệt như trên kia đã nói, con người có thể tác động sự tiến hóa xã hội loài người đến văn minh.

## III. - ĐỊA VỊ CON NGƯỜI TRONG MUÔN LOÀI.

Trong muôn loài chúng sanh, trên loài người có nhiều loài trời, dưới loài người có nhiều loài vật. Nhưng cái hoàn cảnh sung sướng của các loài trời, cái hoàn cảnh cực khổ của các loài vật, không thuận tiện giúp cho cái khả năng quý báu của tâm trí được phát triển. Cho nên tư duy mãnh lợi, năng lực dũng mãnh, hành động có thừa, những khả năng cao quý của tâm trí ấy chỉ có thể có ở loài người chúng ta, một loài mà sống trong hoàn cảnh không quá làm cho người say mê không quá làm cho người đau khổ.

Do lẽ đó con người có một địa vị đặc biệt nhất trong muôn loài. Địa vị ấy giúp cho con người dễ dàng tiến hóa trên đường Giác-Ngộ.

## IV. - ĐỊA VỊ CON NGƯỜI TRONG SỰ TIẾN HÓA.

Chức tiến hóa ở đây không phải chỉ là sự hưởng thọ sung sướng. Sự tiến hóa ấy chỉ là sự thoái hóa

trá hình, vì tiến ngang với nó, sự sống và quyền sống của con người càng bị phá sấn. Đối với đạo Phật, chỉ có một sự tiến hóa này mới gọi là tiến hóa, là giác ngộ sự thật, là trí tuệ sáng suốt. Đạo Phật cho rằng đời sống con người do hoạt động con người tác động, mà hoạt động ấy là do tâm trí của con người chủ đạo. Như vậy, gọi là tiến hóa, là phải tâm trí thanh tịnh sáng suốt. Tâm trí có thanh tịnh sáng suốt thì sự hoạt động mới hợp lý, và đời sống (phần ảnh của hoạt động ấy) mới thường lạc chân thật. Và chỉ sự tiến hóa ấy mới là cứu cánh viên mãn.

Nhưng, như trên kia đã nói, chỉ có con người ở trong hoàn cảnh con người mới thuận tiện cho sự phát triển của các khả năng quý báu. Các khả năng ấy, như chúng ta nhận thấy là những khả năng duy nhất của sự tiến hóa. Cho nên, trong sự tiến hóa, con người cũng chiếm địa vị đặc biệt. Luận Di-Tôn-Luân nói: « Hết thấy kết quả Giác-Ngộ đều được bởi thân loài người ».

## V. - ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI CON NGƯỜI.

Do ba đặc điểm và các địa vị đặc biệt của con người mà đạo Phật đã xác nhận trên kia, nên đạo Phật đặc biệt chú trọng con người. Đạo Phật bảo con người có thể tiến hóa và phải tiến hóa. Và đạo Phật chú trọng hướng dẫn con người tiến về ba phương diện sau đây:

a) **Tư cách đặc biệt:** tôn trọng quyền sống của người, phụng sự hạnh phúc chung.

b) **Trí thức đặc biệt:** Nhân thức nhiệm vụ và hiểu biết, nghề nghiệp, sáng suốt hành động.

c) **Năng lực đặc biệt:** Mạnh mẽ gánh vác nhiệm vụ dùng mãnh hành động những hành động hợp lý, dùng cảm tự tồn tự lập.

Con người tiến được ba phương diện như vậy là con người tiến hóa, căn bản của xã hội tiến hóa.

Và vì đạo Phật đào tạo những đức tánh tiến hóa cho con người nên Đạo Phật là đạo của con người, đạo tiến hóa của con người.

## VI. - ĐỊA VỊ ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI CON NGƯỜI.

Như trên đã trình bày, địa vị con người là địa vị trung tâm điểm; trung tâm điểm của xã hội loài người, trung tâm điểm của muôn loài, trung tâm điểm trong sự tiến hóa, thì địa vị của đạo Phật đối với con người cũng là địa vị trung tâm điểm về tất cả mọi mặt ấy.

Từ xưa tới nay, chỉ có đạo Phật mới thừa nhận giá trị đặc biệt của con người, và đủ phương pháp để giúp cho loài người tiến hóa đến sự tiến hóa chân-chánh hạnh phúc chân thật, tiến hóa chân-chánh, đối với loài người cần thiết đến ngàn nào thì, ngang với sự cần thiết ấy, loài người cần thiết đạo Phật cũng như thế. Đối với loài người đạo Phật tuyệt đối phải có, in như loài người tuyệt đối phải có trong xã hội loài người. Chỉ khi nào xã hội loài người không cần có loài người nữa, loài người mới không cần có đạo Phật mà thôi.

Đức Phật dạy: « Các người là Phật vị lai ». Câu nói ấy nó là giá trị của con người, địa vị của con người là vô thượng, thì đạo Phật cũng rất vô thượng đối với con người vậy.

Được may mắn ở vào địa vị con người, chúng ta phải cố gắng thực hành đạo vô thượng ấy, không nên tự hèn hạ trong ý-niệm **Người là người, không hơn không kém.**

THUYỀN-MINH

## U'U BÀ TẮC GIỚI

(Số 4)

THÍCH TRÍ-QUANG

## V. — BA THỨ BỒ ĐỀ

— Bạch đức Thế-tôn! Như Thế-tôn dạy Bồ-tát có hai là tại gia và xuất gia; còn Bồ-đề có ba là trí giác Thanh-văn, trí giác Duyên-giác và trí giác Phật-dà. Bạch đức Thế-tôn! Nếu được trí giác bồ đề gọi là Phật đà như vậy thì tại sao Thanh văn và Duyên giác không gọi là Phật đà? Nếu vì giác ngộ pháp tánh nên gọi là Phật đà thì Thanh văn Duyên giác cũng giác ngộ pháp tánh, vì lẽ gì không gọi họ là Phật đà? Nếu đủ tất cả trí biết tất cả pháp nên gọi là Phật đà, thì Thanh văn Duyên giác cũng đủ trí biết tất cả, tại sao không gọi họ là Phật đà? -- Biết tất cả nghĩa là biết tất cả 4 đế-lý.

— Thiện nam tử! Trí giác Bồ-đề có ba, có thứ được bởi học hỏi, có thứ được bởi suy nghiệm, có thứ được bởi thực hành. Trí giác bồ đề của Thanh văn chỉ do học hỏi mà được nên không thể gọi là Phật đà; trí giác bồ đề của Duyên giác sau khi suy nghiệm rồi giác ngộ chút ít nên gọi là Duyên giác; còn trí giác bồ đề của Như Lai Thế Tôn là vô sư độc ngộ, không theo học hỏi suy nghiệm, mà thực hành rồi giác ngộ tất cả, thế nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Vì giác ngộ pháp-tánh nên gọi là Phật đà. Nhưng pháp-tánh có hai: đặc tánh

chung và đặc tánh riêng. Các vị Thanh văn\* giác ngộ đặc tánh chung qua sự học hỏi nên không thể gọi là Phật đà; các vị Duyên giác cũng chỉ giác ngộ đặc tánh chung, nhưng sự giác ngộ ấy không theo sự học hỏi nên gọi là Duyên giác mà không thể gọi là Phật đà; đến như đại trí Thế-tôn thì đặc tánh chung đặc tánh riêng tất cả đều giác ngộ, sự giác ngộ không theo học hỏi suy nghĩ, chỉ trí tuệ tự giác, giác ngộ tất cả do sự thực hành, thế nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Cảnh và trí đầy đủ mới gọi là Phật đà. Thanh văn và Duyên giác tuy giác ngộ bốn đế lý nhưng cảnh và trí chưa đủ nên không thể gọi là Phật đà, chỉ trí tuệ Như lai cảnh và trí đều viên mãn nên gọi là Phật đà.

Thiện nam tử! Như một sông Hằng mà ba con thú sau này đều lội qua, là thỏ, ngựa, và voi. Thỏ chỉ bơi qua trên mặt nước chứ không đến đáy, ngựa thì chỗ đến chỗ không, còn voi thì chỗ nào cũng đạp thấu đáy cả. Sông Hằng là sông nguyên lý 12 nhân duyên; vượt qua sông ấy, Thanh văn chỉ như thỏ, Duyên giác chỉ như ngựa, chỉ Như lai thì như voi, nên mới gọi Như lai là Phật đà. Thiện nam tử! Thanh văn và Duyên giác tuy đoạn phiền não, còn Như Lai thì hết thủy nguồn gốc của phiền não và tập khí trừ diệt tất cả nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Nghi ngờ có hai thứ: có thứ thuốc phiền não, có thứ do tập quán. Thanh văn và Duyên giác chỉ trừ được nghi ngờ của tập quán, còn Như lai thì cả nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Thanh văn chán ghét sự học hỏi rộng, Duyên giác không thích sự suy nghiệm sâu, Như lai thì với hai điều ấy không khi nào chán nản nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Phật



đà là dẳng mà trí tuệ và thân tâm đều thanh tịnh như vật pha lê đặt trong đồ pha lê, trong ngoài đều trong suốt. Vậy mà Thanh văn và Duyên giác tuy trí tuệ thanh tịnh mà thân tâm thì bất tịnh, còn Như lai thì trí tuệ thân tâm đều thanh tịnh cả, nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Sự thanh tịnh có hai, là trí tuệ thanh tịnh và hành động thanh tịnh; vậy mà Thanh văn Duyên giác dù trí tuệ thanh tịnh nhưng hành động bất tịnh, còn Như lai trí tuệ và hành động đều thanh tịnh cả, nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Thanh văn và Duyên giác hành động có giới hạn chứ Chư Phật Thế-tôn thì hành động không có giới hạn, thế nên gọi là Phật đà. Thiện nam tử! Như lai Thế-tôn một niệm phá được cả hai thứ chướng ngại, chướng ngại của trí tuệ và chướng ngại của giải thoát, thế nên gọi là Phật đà. Như lai Thế-tôn đủ cả nguyên nhân của trí tuệ kết quả của trí tuệ, thế nên gọi là Phật đà.

Thiện nam tử! Các đức Như lai lời nói không hai không lăm, cũng không hư vọng; trí tuệ vô ngại, biện tài cũng vậy; có đủ tất cả trí tuệ biết nguyên nhân, trí tuệ biết thì gian, trí tuệ biết đặc tướng; không có sự che giấu, không cần sự giữ gìn, nhưng không thể chỉ trích được; biết hết tất cả tâm lý phiền não, nguyên nhân phát sinh phiền não và phương pháp diệt trừ phiền não cũng biết rõ ràng; tám trường hợp không thể khuynh động; có lòng thương rộng lớn, có năng lực vĩ đại, bạt trừ tất cả khổ não của chúng sinh; có đủ 10 trí lực, 4 vô úy, 3 đại bi, Nói tóm là hai năng lực thân tâm vĩ đại Như lai Thế-tôn đều đủ cả.

Năng lực vĩ đại của thân là thế nào? Thiện nam tử!

Sức lực như voi cũng chỉ bằng một lóng xương của Phật đà, thế nên năng lực của thân thể Như lai thắng hơn tất cả năng lực thế gian. Năng lực vĩ đại của tâm là thế nào ? Thiện nam tử ! Thế giới vô biên thì chúng sinh cũng vậy, chúng sinh vô biên thì tâm lực Phật đà cũng vô biên như vậy. Thiện nam tử ! Do hai năng lực vĩ đại đó nên chỉ Như lai Thế tôn mới gọi là Phật đà, chứ không phải Thanh văn, cũng không phải Duyên giác.

Bởi tất cả lý do trên nên các đức Phật đà gọi, đức thầy vô thượng, gọi là đấng đại trượng phu, gọi là Voi chúa, là sư tử chúa, là rồng chúa trong loài người, đều phục dẫn đạo mọi loài chúng sinh, gọi là người cầm lái vĩ đại, là ông thầy thuốc vĩ đại, là hoa sen tinh khiết, vô sự độc ngộ, làm mất giác ngộ sáng suốt cho tất cả muôn loài; lại gọi là người bố thí cao cả, vị sa môn chúa tể, người tịnh hạnh bậc nhất, thanh tịnh giữ giới, tinh tiến thực hành, vượt đến bờ bên kia sông, thật hiện được Giải thoát vô thượng,

Thiện nam tử ! Thanh văn và Duyên giác suy có trí giác Bồ đề, nhưng trí giác ấy chưa có những sự vĩ đại như vậy, nên chỉ có trí giác Như lai gọi là Phật đà.

Thiện nam tử ! Bồ tát có hai, có vị tại gia có vị xuất gia. Xuất gia bồ tát thực hành ba thứ trí giác Bồ đề như vậy, điều ấy không khó, tại gia bồ tát thực hành mới rất khó khăn, tại sao, vì người tại gia bị vô số những điều ác liệt bao vây.

**Vô sự độc ngộ hay trí tuệ tự giác :** nghĩa là sự giác ngộ là do trí tuệ tự giác. Thầy bạn hay bao nhiêu phương tiện khác rất, Cần, nhưng chỉ giúp đỡ

kịch thích sự giác ngộ của trí tuệ chứ không tạo ra sự giác ngộ.

**Cảnh và trí:** chân lý và trí tuệ. Cảnh trí đầy đủ nghĩa sự giác ngộ chân lý rất cùng tột.

**Chủng tử:** hạt giống, cũng gọi là tập-khí: thói quen.

**Nghi ngờ có hai:** nghi ngờ sự thật như thái độ phủ nhận tất cả của phái hoài nghi chủ nghĩa gọi là nghi ngờ thuộc phần não. Nghi ngờ sự thật như phân vân những vấn đề nhân sinh vũ trụ gọi là nghi ngờ do tập quán. Món thứ nhất tuy nặng nhưng dễ trừ, món thứ hai tuy nhẹ nhưng diệt tận vô minh mới hết được.

**Thanh tịnh:** ở đây nghĩa là hợp lý, hữu ích. Ngược lại, gọi là bất tịnh.

**Một niệm:** tối hậu sát nét khi kim cương đạo trừ sinh tướng vô minh đồng thời thật hiện tạng thức vô cấu.

**Biện tài:** tài biện luận, diễn giải.

**Biết nguyên nhân:** biết tâm lý.

**Biết thời gian:** biết trường hợp.

**Biết đặc tướng:** biết phương pháp

Thiệt ra ba trí không phải chỉ có nghĩa hẹp hòi như vậy trong lúc thuyết pháp. Nên vẫn dịch nguyên danh từ để người đọc hiểu nguyên nghĩa rộng rãi của ba trí ấy: biết nguyên nhân phát sinh, biết trường hợp chuyển biến, biết đặc tánh tướng dụng của tất cả pháp.

**Tám trường hợp:** khi được tiền, lúc mất của, bị mặt sát, được tăng bốc, được khen ngợi, bị chê bai, được sung sướng, bị đau khổ.

# NHÂN VỊ TRONG ĐẠO PHẬT

Khoa học với đạo lý vô-nghĩa

MINH CHÂU dịch

Nhiều khi chúng ta cố gắng ngăn đón chống giữ làn sóng oán hận đang muốn làm chìm đắm và phá hoại cái mà chúng ta thích gọi là văn minh tiến-hóa.

Nhà văn-cí đáng mến của chúng ta, ông Lucien Descaves đã cao đàm thâm đầu một phong trào chống lại lòng oán hận, với tiêu ngữ là S. H. (Sans Hainistes). Ông ta thành công chăng? Chúng ta có thể diệt trừ lòng oán hận được không, trong khi mà mỗi chúng ta tin chắc sự quan trọng của tự thân và tìm tất cả cách để nhiếp phục, để chiến thắng, để vượt lên trên những ai ngăn cản lòng ham muốn và những tham vọng của mình.

Sự thù oán các đoạn đường, sự sống chung giữa các chủng tộc tàn mục, do phi cơ đem lại, chỉ làm tăng thêm sự thù oán và lòng tham vọng. Con người sống in trí trong sự ích kỷ cá nhân, sự ích kỷ của giai cấp, của chủng tộc, của tín ngưỡng, bởi vì con người tự cho mình là một sinh vật cao nhất trên vũ trụ, và cách biệt giữa tất cả sinh vật khác bởi một nhân vị thường còn và độc lập. Sự thật, trái đất không thống thuộc con người, chính con người thống thuộc trái đất, con người hệ thuộc trái đất bởi những phần tử cấu thành thân thể con người, và bởi sự sống của chính con người nữa. Ở Đông Phương, người ta nói rằng con người là một phần tử trong đời sống vũ trụ đã nuôi sống con người.

Sự mê mờ lý tưởng quan tương duyên của mọi đời sống và sự tin-tưởng ở một bản ngã đối lập với các đời sống khác là nguyên nhân của tất cả sự xung đột giữa loài người.

Trong tất cả triết-học, chỉ có đạo Phật giải thích nguyên nhân của lòng oán hận, trình bày sự hiểu lầm thực tánh con người

làm cho lòng oán hận được tiếp diễn, và đều rõ vì sao sự nhận thức chân chánh nhân vị con người, giúp con người giải thoát mọi sự lệ thuộc ích-kỷ và nhờ vậy được thoát ly khỏi sự thống trị của lòng oán hận.

Theo đạo Phật, con người từ đâu đến, và sự tác thành cái mà chúng ta gọi là nhân vị của con người, được tiếp diễn như thế nào ?

Con người tự đổi mới hay đúng hơn, con người luôn luôn tự mình đổi mới lại mình trong tất cả thời. Trong thân-thể và trong tư tưởng con người, chúng ta có thể quan sát những sự thay đổi, những tiếp tục về vật chất, về tánh tình từ năm này qua năm khác. Đồng với toàn thể Đông Phương (cũng đồng với những người Thiên Chúa nguyên thủy) đạo Phật tin ở sự tương tục của những đời sống.

Đạo Phật tin rằng những tư tưởng, những hành vi hiện tại tác thành con người tương-lai, và chính sức mạnh của lòng tham dục, sự đắm trước vào đời sống, sự khao khát được sống, phát sinh trong một đời vị lai một đời sống mới, hoàn toàn chịu sự chi phối của nghiệp nhân tác động . . .

Đại Đức Nyanatiloka viết rằng : sự thật, đạo lý vô thường (vô ngã) của một bản ngã, là đạo lý đặc biệt của Phật-giáo. Tất cả những giáo lý khác đều có thể cỡ trong các triết-học và các tôn-giáo. Nhưng sự thật giải thoát của đạo lý vô ngã chỉ có đức Phật mới trình bày và giải thích một cách rõ ràng.

Vô ngã ở nơi đây cần phải hiểu tánh cách lưu chuyển của mọi đời sống, và sự giả tạm của tất cả những gì mà chúng ta gọi là nhân vị con người.

Đừng hiểu lầm tôi nói không có nhân vị, như vậy thật quá vô lý, mà cần phải hiểu rằng nhân vị luôn luôn thay đổi, như những bãi cát chuyển động, tùy thuộc với thân-thể và những tư tưởng làm nền tảng cho cái " bản ngã " của con người.

Chúng tôi sẽ cố gắng trình bày cho các Ngài rõ cuối cùng lại (đầu rằng sự dẫn chứng của tôi có vẻ mâu thuẫn) chính đạo

lý đã đánh đổ bản ngã (và do đó đánh đổ luôn mọi ý niệm gián cách giữa mọi người) có thể giúp chúng ta giải thoát những tai hại do lòng ích kỷ phát sinh như là, sự oán hận giữa giai-cấp, giữa chủng-tộc và cả những nỗi khổ không bờ-bến của chúng ta.

Chúng ta đừng quên rằng lòng từ bi của đạo Phật bao trùm tất cả mọi sinh vật, cho đến những sinh vật rất nhỏ nhiệm, lòng Từ Bi ấy bắt nguồn từ sự hiểu biết mọi đau khổ là do lòng tham dục mù quáng ích kỷ gây nên.

Chúng tôi nghĩ cần phải nhắc lại ở nơi đây cái định-thức cò-diễn của năm uẩn (khandas) hay là những phần-tử của một đời sống, “năm uẩn luôn luôn khao khát và được nuôi sống bởi lòng tham trước ở đời, cuối cùng là gì? Nhân vị là gồm có: thân sắc chất, những cảm thọ, những niệm tưởng, những chuyện hành, và tâm-thức. Những uẩn này không có ngã thê, luôn luôn tương quan với nhau, và dính liền với đời sống, khao khát sự sống.

Mỗi một món đều nói rằng khao khát, bởi vì mỗi uẩn đều nắm giữ và bám víu vào đời sống. Như thân thê đời hỏi sự ăn uống dầu phải hại đến đời sống khác. Những cảm giác chạy theo những cảm giác khác, không bao giờ thỏa mãn. Các niệm tưởng cũng như vậy, còn tâm thức thì luôn luôn bám víu vào đời sống.

Nhưng tâm thức, cũng như các món uẩn, đều thay đổi từng giờ phút, cho nên người ta nói mỗi uẩn là trống không, tự nó không có một bản ngã thường còn. Những hóa-hợp-vật tác thành bởi những phần tử vô thường, luôn luôn thay đổi theo những phần tử ấy, và không thể gọi là thường còn, như một bản ngã cố định.

Trong sự phối hợp những phần tử và những thành phần của sự sống, tất cả đều biến dịch, luôn luôn dời đổi. Trạng thái an định bề ngoài chỉ là nhút thòi, và thế quân bình phải được phục hồi trong từng giây phút.

Ở đây chúng tôi không dùng và không bao giờ dùng chữ Linh hồn trong khi nói đến đạo lý vô ngã, bởi vì Á đông hiểu nghĩa Linh hồn rất khác với Tây Phương. Chúng ta, người

Tây Phương cho rằng Linh hồn có tính cách cố định và chỉ bị sáng tạo một lần cho đến vĩnh viễn. Chữ Atta (tiếng Phạn: Atman) cần phải dịch là “ngã» và chữ Anatta thành có nghĩa là “vô ngã», nghĩa là không bao giờ có một bản ngã, trọn đời cố định đồng nhất.

Nếu bản lược trình đời sống này hình như rất khác với quan điểm thông thường của người Tây phương chúng ta, nhưng lại được những sự phát minh cận đại của khoa học giải thích và tán đồng.

Người Phật tử có điểm này giống với nhà khoa học hiện đại là nhận xét đời sống một cách vô tư và khách quan, xem có xứng hợp với sự thật hay không, chớ không tự hỏi có lợi hay có hại. Người Phật tử không tìm đề làm vui lòng ai mà chỉ cốt tìm đề soi sáng mình và người. Người Phật tử nhận thức sự vô thường của vạn pháp, gồm luôn cả sự vô thường của nhân vị, cũng như nhận thức sự đau khổ của muôn loài, luôn luôn hiện hành và tác động tất cả, trong cái vũ trụ thế giới đang còn có sự gián cách và tế biệt, sự đau khổ ấy một phần do sự vô thường gây nên. Từ nhà khoa học đến vị thầy thuốc, người Phật tử tìm một liều thuốc điều trị bệnh đau khổ; muốn vậy, cần phải hiểu trước căn bệnh và biết những đặt tánh nhỏ nhiệm của vũ trụ. Chỉ khi nào chúng ta biết những định luật chi phối vũ trụ chúng ta mới có thể dùng những định luật ấy để cải thiện đời sống của chúng ta.

Đóng khung trong một lý tưởng ích-kỷ muốn hưởng khoái lạc và hạnh-phúc cho tự thân, và tìm tất cả cách thức để thoả-mãn dẫu có thiệt hại đến kẻ khác, con người tự tưởng-tượng có một cái “ngã», đối lập với mọi người, một “bản ngã» cá thể, cách biệt, tham tàn; và con người tự chịu sức phản ứng của sự đau khổ, mà chính vì lòng dục vọng, lòng tham lam và sự sân hận của chính mình đề nên làm cho các đời sống khác đau khổ, và những đời sống ấy luôn luôn có liên lạc với đời sống riêng của mình.

Người Tây Phương chúng ta thường quen nhìn đời sống dưới hình trạng riêng biệt sai khác, còn người Đông Phương thời tìm hiểu đời sống một cách tổng quát đồng thể.

Sự giải thoát nỗi mê mờ của chúng ta — bởi sự ám ảnh thật sự của nhân vị chúng ta — chỉ bắt đầu một khi chúng ta có một quan điểm sáng suốt đối với cá tánh của chúng ta.

Được vậy, chúng ta mới bắt đầu hiểu đời sống vũ-trụ và của sự tương quan tương duyên của tất cả đời sống, trong cái trò chơi mãnh liệt của vũ-trụ luôn luôn biến đổi xê dịch. Kinh Lankavatara có nói rằng :

*Chúng ta chỉ có thể nói một cách tương đối, có một giòng biến dịch, một sự thay đổi từng giây phút và không bao giờ dừng nghỉ, từ trạng thái bề ngoài này đến trạng thái bề ngoài khác !*

Lẽ dĩ nhiên đạo Phật không phủ nhận không có những giòng sống cá-nhân, nhưng đạo Phật nói rằng những giòng sống cá-nhân ấy chỉ có thể sống nhờ có giòng sông rộng lớn của một đời sống chung cùng nuôi dưỡng.

Nói cho đúng hơn, giòng sông rộng lớn của một đời sống độc nhất ấy biểu hiện trong những giòng sống cá-nhân.

Nhưng chúng ta nên coi chừng đừng cho rằng sức sống ấy có một cá tánh và luôn luôn hiện hành trong tất cả chỗ.

Chúng ta hãy đi theo những nhà khoa học hiện đại để hiểu sự vô thường giả tạm của cái thân thể chúng ta mà vì mê mờ, chúng ta cho như là riêng biệt và không hệ thuộc gì với đời sống vũ-trụ.

Nhìn theo bề ngoài, thời dĩ nhiên mỗi thân thể, mỗi nét mặt đều khác nhau. Một nhà nghệ sĩ sẽ cho rằng đó chỉ là một sự sai khác về tỷ lệ, sự sai khác giữa những nét hình tác thành sự sai khác giữa những nét mặt, dáng điệu và thần sắc . . . .

Hãy tìm hiểu cái thân có một bề ngoài thể chắc và hình như riêng biệt với những thân khác, để xem thử có một phần nào trong thân ấy, chúng ta có thể tìm một nhân trường cứu, một bản ngã thường còn.

Trước ánh sáng của khoa học hiện đại, một thân thể bình thường và khoẻ mạnh gồm có những tổ-chức (tissues), những chất hoá học và những sức mạnh vật lý học ; một khi khoa học hiện



đại nghiên cứu một thân thể về phương-diện sinh-lý, vật lý và hóa học, chúng ta thấy những phương diện ấy rất liên-lạc mật thiết với nhau, và chúng ta không thể cắt nghĩa một phương diện nào nếu không nhờ các phương diện khác giúp đỡ.

Sinh vật học tìm hiểu những hiện tượng về sự sống (hạn cuộc trong từng địa-hạt) trong những tổ-chức của một thân thể, đã tìm những tánh chất hóa-học tác thành sự phối hợp những tế-bào của những tổ-chức ấy, sự phối hợp của những chất kiềm, chất toan v.v...

Sự giải phẫu của những tổ-chức đưa chúng ta tìm đến sự cấu tạo hóa chất và hóa học cho chúng ta những định thức của những hóa chất như là HCl (acide chloridrique);  $SO_4 H^2$  (acide sulfur que),  $H_2O$  (eau v.v.) nhưng muốn tìm hiểu sự sai khác của những hóa chất này, chúng ta cần phải nhờ vật lý học hiện đại là một môn học nghiên-cứu các năng lực, các luồng sóng và những khí lực, luôn luôn tác động, luôn luôn biến dịch và chung hợp rất là giả tạm. Những tổ-chức sinh vật cuối cùng chỉ là kết quả của sự phản ứng các hóa chất, và những sự phản ứng này lại do những năng lực trong phạm vi vật lý học chi phối.

Cái thân-thể không còn phải như con mắt thịt chúng ta thường thấy, những tổ-chức lại do những tế-bào hợp thành, những tế-bào lại do những phần tử, những phần tử lại do những nguyên tử hợp thành, giữa nguyên tử có một nguyên điem (noyau proton) chất chứa dương điện, và nguyên điem ấy được bao vòng bởi những điem tử chứa âm điện. Chúng ta có thể nói với ông James Jeans rằng: « Vật chất chỉ là sự phối hợp của những phần tử có chứa điện chất »

Nhưng sau những sự vận dụng của những sức mạnh ấy, còn có gì nữa ?

Đến đây, khoa học hiện đại dừng lại và giữ thái độ im lặng.

Nhưng nếu khoa học im lặng, một vài nhà khoa học lại lên tiếng. Một vài vị tuyên bố rằng — về thái dương hệ của thân thể vì có nhiều điem rất giống với thái dương hệ của vũ trụ, như là

có những khoảng trống nhỏ nhiệm giữa những diễn tử — những diễn tử ấy hoạt động như là có một trí năng ẩn nấp ở sau, một tư tưởng. Nhưng ở đây, chữ tư tưởng không có nghĩa là có một người suy nghĩ như chúng ta thường hiểu. Khoa học cho đến đạo Phật không cho năng lực tư tưởng ấy một cá tánh về nhân vị.

Sự vận dụng của những năng lực ấy, những phối hợp của các hóa chất ấy, chúng ta có thể nói là của chúng ta, hay chúng nó dự một phần trong sự diễn tiến chung cùng của vũ trụ.

Con mắt của chúng ta với sức thấy có hạn lượng, chỉ có thể thấy những bề ngoài thô tế về vật chất; không biết chúng ta có thể tưởng tượng một bộ máy tinh xảo có thể thấy được những diễn tử và những sự vận dụng của những sức mạnh ấy không?

Khoa học hiện đại có lẽ sẽ bấu mỗi trước giả định ấy. Người ta nói rằng có một vài vị Thánh Nhân ở Tây Tạng trong khi nhập định, nhờ sức vận tưởng về nội tâm, có thể thấy thân thể như là một số rất nhiều những chấm lửa luôn luôn rung động rất mau lẹ; chúng ta cũng sẽ thấy thân thể in như vậy một khi chúng ta có thể thấy được những diễn tử.

Trong một vài trạng thái thiền tưởng, một vài vị Thần bí học Tây phương hình như cũng có thể thấy được bản thể của sự vật. Nhà tiên tri có danh tiếng, ông Jacob Boehme có lẽ cũng đã làm những sự thí nghiệm như những vị Tây Tạng, ông cũng đã tuyên bố, trong khi tu thiền tưởng, ông thấy được bản tánh sự vật. Có thể chăng, tư tưởng không còn bị loạn động bởi ngoại cảnh, có một sự nhận thức sắc sảo, và giác ngộ được sự thật.

Tuy vậy, những giác quan của chúng ta không những bị hạn lượng mà còn có thể sai lầm, bởi sự vô minh.

Sự vô-minh thuộc ba điều chính sau này:

- 1) Không thấy được (bởi không biết nhìn)
- 2) Nhận lầm bề ngoài là sự thật.
- 3) Phán đoán sự thật theo những giả ảnh bên ngoài.

Đó là những sự sai-lầm thông thường của chúng ta, làm chúng ta tưởng lầm có một thực thể thường còn trong thân thể chúng

ta và trong thế-giới những hiện-tượng. Sự thật, tất cả những phần tử hợp thành nhân vị con người, đều là giả tạm, đều là kết-quả của sự tác động những động lực. Sự tiếp diễn và sự phối hợp của những tác động ấy cho chúng ta một cảm tưởng thường còn. Đối với người Phật tử sự mê lầm nguyên thủy chỉ là vì không hiểu, giá trị chân thật của đời sống là vô thường giả tạm, là đau khổ và vô ngã.

Chúng ta đã phân tách vật chất và những thân thể biểu tượng vật chất, từ vật thô sơ đến vật nhỏ nhiệm, từ những tổ-chức đến thái dương hệ của những nguyên-tử, với những điện-tử với sức mạnh tác động những điện-tử ấy. Nếu chúng ta có thay đổi (hay là lúc mà những số lượng của những điện-tử xung quanh nguyên điện-proton thay đổi), chúng ta có thể biến hóa một vật thể này thành một vật thể khác. Đó là hoài bão của những nhà thuật sĩ. Như vậy số lượng (hay điều lượng) của những điện-tử trong một nguyên-tử, tác thành tánh chất của những vật-thể.

Chúng ta thấy rằng, sự vật đều có những hình thức thay đổi nghĩa là giả tạm. Như vậy truyện thần thoại Protée có lẽ có một giá trị biểu tượng cho một sự nhận thức đúng với sự thật của nước Hy Lạp thời thái-cổ.

Mỗi một phần tử, mỗi một hóa chất trong thân thể đều luôn luôn thay đổi. Định luật vô thường được chứng minh một cách rõ ràng vì rằng các tế bào luôn luôn sanh diệt để tác thành ra những tế bào mới. Trong tất cả những sự phối hợp đó không có gì là cố-định, thể chắc, bởi vì giữa những phần tử của vật chất có những khoảng không rất nhỏ-nhiệm; chúng ta còn nhận thấy sự biến chuyển không bao giờ dừng nghỉ của những động lực và sự phản ứng của những động lực ấy. Như vậy chúng ta làm thế nào mà tìm được, trong cái thân thể giả tạm biến động như vậy, một nhân vị hay những phần tử của một bản ngã thường còn được.

Chung quy lại, không phải là sự sai khác về vật chất, mà chỉ là sự sai khác về cân lượng của những phần tử sinh lý, hóa học và vật lý học của thân thể, tác thành sự sai khác giữa thân thể này với thân thể khác. (Tôi dùng chữ cân lượng, mượn ở hóa học và tự chịu trách nhiệm về sự dùng chữ này).

Cũng chính là sự cân lượng của những tư tưởng chủ yếu trong khối trí thức của chúng ta, tác thành sự sai khác giữa một trí thức này với một trí thức khác.

Sự cân lượng về sinh lý và sự cân lượng về tâm thần tác thành cá tính riêng biệt của từng người trong một thời gian đã định. Nhưng sự cân lượng ấy là cố định từ ngày này qua ngày khác hay là luôn luôn thay đổi. Lê dĩ nhiên sự cân lượng ấy luôn luôn thay đổi và thường không được quân bình. Trong thân thể chỉ cần có một sự quá thịnh của chất toan hay chất kiềm một sự thiếu hụt hay một sự quá thịnh của sự bài tiết các thứ hạch, là đủ làm cho sức khỏe thay đổi và nhiều khi biến đổi cả hình thức bề ngoài của thân thể ; nếu thân thể thật tự mình là chủ chớ không phải do sự tác động của các động lực trong sự phối hợp giả tạm chủ động chi phối, thời chúng ta cần phải có thể tránh khỏi các sự biến đổi trên. Làm sao chúng ta tự cho là thống thuộc của mình, đối với những sự vật luôn luôn thay đổi và hình như thoát ra ngoài mọi sự kiểm soát ?

Về địa hạt tâm thức, chúng ta cũng có thể nói như trên, sự cân lượng quá đáng của những tư tưởng sân hận có thể làm con người mất tự chủ, và biến đổi một con người từ trước đến nay là hiền lương, trở thành một người sát nhân.

Sự quân bình giữa những tư tưởng lành và những tư tưởng ác là thường hay là biến thiên giả tạm ?

Chúng ta có phải làm chủ những tư tưởng ấy không ? những tư tưởng ấy có thật tùy thuộc chúng ta không ? Hay là những tư tưởng luôn luôn bị tác động bởi tất cả những ảnh hưởng ở bên ngoài ?

Thật vậy, những tư-tưởng ấy không phải hoàn toàn của chúng ta. Những gì tùy thuộc ở một chỗ khác và luôn luôn thay đổi không thể tự cho là của mình ; chúng ta không thể nói : « Cái này là của chúng ta, tôi là cái này, cái này là bản ngã của ta ». Cuối cùng, ở trong ấy, cái nào có thể gọi là nhân-vị của ta ?

Kinh Lankavatara (đứng trong phạm vi tương đối) nói rằng :  
Điều mà chúng ta có thể xác nhận là nhân vị cá nhân chỉ do một sự tổ-hợp nhứt thời, đơn độc của những phần-tử vật chất và tinh-thần »

(Còn nữa)

Trích dịch trong « La Pensée Bouddhique »

# MUỐN ĐƯỢC YÊN VUI SANH TỒN

*chúng ta cần phải học Phật*

THÍCH THIÊN-SIÊU

Xưa hay nay cho đến về sau cũng thế, có nhiều người vẫn còn thành kiến cho Đạo Phật cũng chỉ là một Tôn giáo, có giá trị của một Tôn-giáo như bao nhiêu Tôn-giáo hiện đang lưu hành trên thế-giới: Cơ Đốc-giáo của Jésus Christ, Hồi Hồi giáo của Mô-hân-mạc-đức (Mahomet) v.v. mà nhân loại đã dành riêng cho nó một góc trời, một địa hạt để tùy tin ngưỡng tự do. . . . Ngược lại, một số người cho Phật giáo không phải Tôn-giáo mà là một Triết học, một học thuyết, Đức Phật Thích-ca-mâu-ni với những thuyết lý của Ngài, cũng không khác Khổng tử với thuyết chính danh, Lão-tử với thuyết Vô-Vi, Bergson với thuyết Trục-giác, Darwin với thuyết Thiên diễn vật cạnh, sanh tồn cạnh tranh. . . triết học ấy, một người tự gọi là trí thức, cũng cần học qua cho biết. Đây, thật là hai thái độ lưỡng lự với việc học Phật, nguyên do vì hai lối nhận thức lưỡng lự mà mờ đối với Phật giáo gây nên; chúng ta không thể đồng tình, miễn cưỡng đứng vào một trong hai thái độ ấy; vì đứng vào đó, chúng ta sẽ giảm mất một phần sáng suốt để nhận chân một cái Đạo chuông lý trí, trọng thật hành, mở rộng từ bi phổ biến bình đẳng là đạo Phật, để cởi mở gông cùm đau khổ, vạch một con đường an vui giải thoát.

Nếu chúng ta cho Phật giáo là Tôn-giáo theo như thông thường hiểu, thì nó không phải mê-tín thần quyền chỉ ngưỡng mong sự cứu rỗi, tìm an vui, cầu hiểu sự thật, toàn bằng vào một chút lòng tin!

Nếu muốn nói Phật giáo là Triết học, thì nó không phải huyền tưởng không đảm, phát minh bản thể sự vật suy tầm lý lẽ xa xăm mà thiếu phương châm để thật chứng. Hay nếu muốn nói Phật giáo là chỉ chỉ đi nữa, thì lời nói chúng ta cũng chỉ là lời phiếm diêu, hẹp hòi. Chỉ bằng ta cứ nói ngay Đạo Phật là đạo Phật, vì chính danh từ ấy đã chứng minh mạnh mẽ Đạo Phật không phải Tôn giáo mê tín, không phải Triết lý không đảm. Đạo Phật nghĩa đen là đạo giác ngộ, nếu còn mê tín thì không thể giác ngộ, không đảm cũng không làm sao giác ngộ được.

Căn cứ lẽ đó nên biết đạo Phật bồ ích, thích hợp với sự tiến triển tốt đẹp của nhân loại; hơn nữa đạo Phật có thể hướng dẫn tâm trí nhân loại tới chỗ giác ngộ sự thật, chứ không phủ nhận lý trí, vì chính đạo Phật đã xây dựng trên lý trí thực nghiệm, đạo Phật có thể hướng dẫn hành động loài người tới chỗ hợp lý, bởi đạo Phật đã kiến lập trên thật tế tu hành.

Nói thêm cho rõ, Đạo Phật đã hướng dẫn lý trí ta đi về con đường nào? Nhất là đối với hai vấn đề mà mọi người đều băn khoăn, vấn đề nhân sanh và vũ trụ, thì đạo Phật đã quan niệm nó thế nào?

Nói đến vũ trụ, ta ngó sang bên đông, ngó về bên tây, ngó lên tận trời, ngó xuống đáy bể, không đâu không phải vũ trụ, hình như là một khối chắc thật phổ biến bao bọc lấy ta và muôn loài, từ khi ta chưa sanh đã có, đến khi ta chết rồi vẫn còn. Phải chăng vũ trụ đã thường còn đến thế? Nếu thật vậy, chúng ta rất hoan nghinh mà đồng thanh hô lớn « Vũ trụ muôn năm ». Nhưng kỹ càng xét lại, thì thấy đúng như lời Phật dạy sau đây: « cõi nước mong manh, không ngừng biến chuyển » nhờ sự quan hệ với nhau mà phát sinh và tồn tại, chứ đâu phải do một người nào làm ra, một nguyên nhân gì tạo lập. Trong đó một ngọn lá rơi, tức là vũ trụ thay hình,

một khúc sông lở, tức là vũ trụ đổi dạng: nếu ta chú ý nhìn xem trong một ngày trạng trình của sự vật, từ lớn chí bé, ta đều thấy toàn chung một luật đổi thay. Con gió lốc thổi mạnh không thể trọn ngày, trận mưa to không suốt sáng, hoa kia sớm nở chiều tàn, cũng biết bao ruộng dâu đã hóa bãi, như thế thì vũ trụ có chi miên trường thật có, mà trái lại biến chuyển mong manh; trong hưng thịnh đã ẩn vẻ điêu tàn, khi sanh thành đã là tiêu diệt, tuy có đó mà không đó, đổi dạng thay hình trong nháy mắt. . .

Vũ trụ thế ấy, còn nhân sanh thế nào? thoát tiên, ta ngó từ quốc gia này đến quốc gia khác, từ một xã-hội đến toàn thế-giới, không đâu không có dấu chân, hình ảnh con người; phải chăng nhân sanh là những sự thật thường còn? trước trước ta đã có, và sau sau ta vẫn còn; chính như thân ta từ khi lọt lòng mẹ đến bây giờ 10 năm, 20 năm, bảy tám mươi năm mà ta cứ vẫn là ta chứ không phải người nào khác. Nếu quả vậy thì là một điều chúng ta rất hy vọng mà đồng thanh hô lớn « nhân sanh vạn tuế ». Nhưng xét sâu vào thực trạng nhân sanh, lại không khỏi làm cho ta ngậm ngùi thất vọng. Như lời đức Phật dạy: « thân mạng không thường, nhân sanh thống khổ ». Thật vậy, chẳng có bằng cứ gì tỏ cho ta thấy đời thường còn, an vui, tự tại cả. Thay đổi nào tướng mạo, màu sắc, tâm tính, ý chí; lúc mới sanh không giống lúc tuổi già, khi thành nhân khác hẳn khi bé nhỏ, nằm trong nôi há miệng đòi bú. Chẳng những thay đổi trong từng năm mà luôn từng ngày, từng giờ nữa. Nên người xưa đã nói: « Khi đi chân lên giường cùng khi bỏ chân xuống đất, hai người đã không giống nhau ». và họ cũng đã viết ra câu: « Sáng như tơ mà tối lại như sương » để tả mái tóc xanh vô định.

Ngoài luật vô thường thiên nhiên chi phối ấy, còn vô số lầm than đều được trút hết vào con người. Chưa

ngột khổ về nắng mưa dối rét, sống, chết, già, đau  
lại dồn thêm nỗi thống khổ do đồng loại tham hận tương  
tàn gây nên. Ai không thấy trạng huống nhân loại ngày nay,  
khổ vì ai đó, mà tiếng khóc lời than càng thêm kéo  
dài lan rộng, những nỗi oan ức bất bình càng ngày càng  
chất chứa lên cao tận trời xanh. Nghĩ đến cảnh dối rét  
bê tha, nhà hoang người vắng mà ai chẳng động lòng.  
Nhưng chưa gớm ghê và chua xót mấy bằng khi thấy mạng  
người như sợi tơ mảnh củi mục; sự sống chẳng còn chút  
gì bảo đảm, mặc dầu ngày nay pháp luật nhân đạo rất  
nhiều, mà không được thi hành cũng lắm. Giá trị con  
người chẳng hơn gì loài vô giác, con người thay thế thú  
vật bị đau làm vật hy sinh, làm mồi ngon cho thần chết.  
Cái họa đồng loại tương tàn ngày nay ai cũng thấy rõ.  
Nếu ta thử đi hỏi từng người lớn bé trẻ già khắp thiên  
hạ có được mấy kẻ hân hoan mà trả lời với ta đòi họ  
không khổ vì ai oán xa lìa, vì đau thù gặp gỡ, vì uất hận  
bất bình, ghét ghen thất vọng... Cho nên có nhà thi  
sĩ đã ngâm: «Trắng răng đến kẻ bạc đầu, cùng mang  
tiếng khóc ban đầu mà ra» Đòi là một bề khổ, nên ai  
mới lọt lòng cũng đều cất tiếng khóc than!

Ôi, nhân sanh như thế, vũ trụ như kia, vì ai nên  
nỗi? người ta làm thế nào để tâu thoát ngoài cõi đời ác  
trược này ư? Chúng ta mang câu hỏi ấy lần lần đi hỏi  
từ người này sang người khác, nhưng hoàn toàn thất  
vọng, họ chỉ cho ta tìm xem sách Tôn giáo, Triết học  
Khoa học, v. v. Ta tìm sách Tôn giáo thì thấy phần  
nhiều chủ trương tương tự với nhau rằng: «Tất cả vạn  
sự hay vạn vật khổ vui đều do tay xây dựng của Thượng  
đế, trái với ngài là khổ, tin thuận ngài là vui». Song  
ta không tin vậy được; vì nếu Thượng đế nhân đức,  
thì còn sanh ra chi cảnh khổ này; còn nếu Thượng đế  
không nhân đức tài năng thì ta có tin cần cũng vô hiệu.  
Rồi ta tìm lần đến sách chánh trị, thì thấy trong đó rất  
đồi dào về pháp luật, điều ước, mưu mô có thể dẹp nội



loạn, chống ngoại xâm; song những nỗi khắc khoải của con người, nỗi thắc mắc trong tâm trí cùng các ác thần lão, bệnh, tử, sanh, mê mờ, thống khổ. chính trị không thể dẹp yên. Thất vọng ở chính trị, ta tìm sang khoa học, thì thật là đã làm ta chóa mắt, bao nhiêu tài trí, biến hóa vô cùng, như thần tiên giáng thế, nó đã giúp ích cho nhân quần biết mấy; nhưng một điều mà khoa học không thể trả lời với ta: « làm thế nào để ngăn đón lòng người nham hiểm, dùng sai khoa học, gây nên tai vạ máu sông xương núi, sát hại tàn khốc như ngày nay? » Do đó ta thấy khoa học đã vô tình mài con dao bén trao tay cho kẻ hung tàn, thêm dầu vào đồng lửa dục vọng để con người tự tay thiêu đốt thân mình.

Chưa thỏa mãn với khoa học, chúng ta thử hy vọng vào các Học thuyết, Triết học. Triết học hầu hết là không đằm, thiếu phương châm diệt khổ. Nho giáo ư? thì toàn là Lý tánh, Dịch số. Đạo giáo ư? thì xương minh Huyền lý, Đơn đạo, nhưng đối với bản quyền sự vật, giải quyết rất sơ sài, và phương pháp đề tu hành thực chứng rất thiếu khuyết. Như thế chúng ta cũng thất vọng luôn với các học thuyết ấy và may mắn thay còn có Đạo Phật. Chúng ta rất sung sướng mà nghe câu trả lời này của đạo Phật: « Vũ trụ vô thường nhân sanh thống khổ, không phải do trời sanh, đất dưỡng không duy vật duy tâm. Vì trời là một pháp, đất cũng là một pháp, người là một pháp, cỏ cây cũng là một pháp, tâm là một pháp, vật cũng là một pháp, cho đến cái có là một pháp, mà cái rỗng không cũng là một pháp, không một pháp tồn tại biệt lập, nếu không nhờ sự quan hệ giúp nhau, không nhờ sự chi phối đối đãi theo cơ cảm mọi loài, tuy đồng mà biệt, tuy biệt mà đồng, một người tội ác, tự mình đau khổ còn gây đau khổ cho tất cả nữa. Cho nên sự sống khổ đau của nhân loại này không phải riêng ai định đoán cả, mà bởi tại con người; tâm nguyên cứu bản, lại không phải tại con người mà

bởi hành động con người ; không phải bởi hành động con người mà tại tâm lý con người. Nên kinh dạy : « Vì chúng sanh cầu uế nên cõi nước cầu uế nếu chúng sanh thanh tịnh thời cõi nước thanh tịnh ». và « vì tâm cầu nên chúng sanh cầu, nếu tâm tịnh thời chúng sanh tịnh ». Vậy thì cõi đời ô-trọc, xấu xa, khổ sở hoặc thanh tịnh tốt đẹp, an vui đều do tâm lý con người làm chủ động. Một tâm lý ích kỷ, mười tâm lý ích kỷ, trăm ngàn vạn ích kỷ sẽ tập thành một thể giới đảo điên, tăm tối. Trái lại một tâm lý từ-bi, mười tâm lý từ-bi trăm ngàn vạn tâm lý từ-bi sẽ dựng nên một Tịnh độ an lạc.

Khổ hay vui, trước mặt ta đã có sẵn hai con đường : một con đường đến địa ngục, tối tăm do tâm lý xấu, hành động xấu, và một con đường đến vinh quang hạnh phúc do tâm lý tốt, hành động tốt. Vậy bây giờ chúng ta hãy lựa con đường nào mà đi? Dĩ nhiên, qui ngài cũng như tôi, chúng ta quyết lựa con đường nói sau, và chính con đường ấy là con đường chư Phật đã đi. Đi trên con đường ấy phải đủ hai điều kiện : một là tập tánh vô ngã để diệt trừ lòng ích kỷ cá nhân, phái đảng, để nhận rõ lẽ tương quan sanh tồn muốn sống an vui không phải tương tàn mà cần hỗ trợ và hai là nhận đúng lý nhân quả, hành động theo nhân quả ; biết rằng lời nói, hành động ấy sẽ trở lại với mình cũng thế, và nếu muốn hành động hợp lý phải có phương pháp hợp lý để thi hành. Dùng Phật giới để ngăn trừ hành vi xấu ác, dùng Phật định để tiêu diệt tâm niệm đảo điên loạn lạc, dùng Phật huệ dẹp sạch vô minh, thối lễ vô thường, ngộ nhập chơn lý.

Tóm lại chúng ta cần phải học Phật, Vì đạo Phật không phải Tôn giáo, Triết học. v . v . . mà là đạo giác ngộ. Có giác ngộ mới an vui, mới hợp lý, hợp tình giúp trí thức của chúng ta tiến hóa sáng suốt, giúp hành động của ta tiến hóa tốt đẹp để xây dựng một đời sống an vui thanh tịnh.

# Những Mẫu Chuyện Đạo

Có đời sau không ?

MINH - CHÂU

Ngài Đồng Nữ Ca Diếp cùng với 500 vị Tỳ-Kheo đến tại thôn Tư Bà Hê xứ Cầu-tát-La, dừng nghỉ ở rừng Thi Xá Bà. Thôn ấy do một vị Bà la môn tên Tệ Túc làm chủ và vị này thường hay giảng giải cho mọi người rằng không có đời sau, và cũng không sanh trở lại, không có quả báo thiện ác.

Khi nghe tin ngài Đồng Nữ Ca Diếp đến, dân trong thôn kéo nhau rất đông đến chiêm bái ngài. Tệ Túc thấy vậy, cũng cùng với dân trong thôn đến yết kiến. Lúc đến nơi, Tệ Túc liền xuống xe, hỏi thăm rồi ngồi một bên còn các người trong thôn, người thì đến lễ bái ngài rồi mới ngồi, có người tự xưng tên rồi mới ngồi, có người chấp tay vái rồi ngồi, có người yên lặng mà ngồi.

Lúc bấy giờ, Tệ Túc nói với ngài Ca Diếp rằng : “ Theo ý tôi, thời không có đời sau, cũng không có sanh lại, cũng không có quả báo tội phước. Vậy ý ngài thế nào ? Ngài Ca Diếp đáp : “ Tôi nay hỏi ông : mặt trời mặt trăng là đời này hay là đời khác ? là thuộc về trời, hay thuộc về người ? —

— Mặt trời mặt trăng là đời khác, là thuộc về trời.

— Như vậy tất rõ, có đời khác, có sanh lại, có quả báo thiện ác.

— Tôi chưa tin như vậy. Vì rằng tôi có một người thân thích đau nặng sắp chết. Tôi đến nói rằng : “ Các vị Sa môn nói những ai làm mười điều ác, thì sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Tôi không tin vì tôi chưa từng thấy, có ai sau khi chết rồi lại trở lên nói cho tôi biết chỗ họ bị đọa lạc như thế nào ! nay ông là người thân tín của tôi, ông lại tạo đủ mười điều ác. Theo lời các vị Sa Môn, ông thế nào cũng đọa địa ngục. Vậy nếu thiệt có địa ngục và ông thiệt bị đọa lạc, ông hãy lên nói lại cho tôi.

tin ». Nhưng từ khi ông ấy bị chết đến nay, ông chưa trở lại báo tin cho tôi biết gì cả ? ông ấy là người thân tín của tôi, chưa bao giờ thất tín với tôi, cho nên tôi tin chắc rằng không có đời sau ».

— Tôi sẽ dùng ví dụ cho ông rõ. Như có người ăn trộm, bị bắt phải chịu ngục hình. Người ăn trộm liền lấy lời dju ngọt, xin người giữ ngục cho về thăm bà con thân-thích, rồi sẽ về chịu tội sau. Vậy ý ông nghĩ sao ? người giữ ngục có bằng lòng không ?

— Không, người giữ ngục không thể bằng lòng được.

— Nay đây cũng vậy. Người thân tín của ông làm đủ 10 điều ác, chết bị đọa vào địa ngục thời đầu có xin trở lại trên đời để tạm thăm bà con, thời kẻ giữ địa ngục không bao giờ cho được. Vì kẻ giữ địa ngục không thuộc về loài người, lại không có lòng từ bi, sống chết lại khác đời nhau. Như vậy rõ ràng có đời sau, sao ông còn không tin.

— Tôi cũng chưa tin. Vì rằng tôi có một người thân tín đau nặng sắp chết. Tôi đến nói rằng : « Các vị Sa Môn nói những ai làm mười điều lành thời sau khi chết được sanh lên các cõi Trời. Tôi không tin vì tôi chưa từng thấy có ai làm 10 điều thiện, sau khi chết rồi lại trở lên nói cho tôi biết quả báo cõi Trời như thế nào ? Nay ông là người thân tín của tôi, ông lại làm đủ 10 điều thiện. Theo lời các vị Sa Môn ông thế nào cũng được sanh lên các cõi Trời. Vậy nếu thiệt có cõi Trời và thiệt ông được sanh lên cõi ấy, ông hãy xuống nói lại cho tôi tin. Nhưng từ khi ông ấy chết đến nay, ông chưa trở lại báo tin cho tôi biết gì cả. Ông ấy là người thân tín của tôi, chưa bao giờ thất tín với tôi, cho nên tôi tin chắc rằng không có đời sau ».

— Tôi nay dùng ví-dụ cho ông rõ. Như có người bị rơi trong nhà xí, cả đầu và chân đều bị chìm ngập nhớp nhúa vô cùng. Vua sai người kéo lên, lau rửa sạch-sẽ lấy nước thơm tắm gội, dùng bột hương xoa cùng thân, lại biểu thợ đến cắt tóc

ạo râu. Vua sai tắm rửa ba lần như vậy, rồi lấy y-phục rực rỡ cho mặc, đem trăm vị ngon lành cho ăn, rồi đưa đến ở trong nhà cao rộng, cho hưởng năm món dục lạc. Vậy người ấy có ung trở lại trong nhà xí không? Lê dĩ-nhiên là không. Các cõi trời cũng như vậy. Cõi Diêm-phù-đề hôi nhớp không trong sạch. Các cõi Trời thì ở trên, cách Diêm-phù-Đề đến 100 do tuần, nhưng cho cõi Diêm-phù-Đề ô-uế chẳng khác nhà xí. Người thân tín của ông đã tu 10 điều thiện, thế nào cũng sanh lên các cõi Trời, được hưởng 5 món dục lạc đầy đủ sung sướng vô cùng. Vậy người ấy có chịu trở lại cõi Diêm-phù-Đề nữa không? Lê dĩ-nhiên là không. Vậy ông dù rõ là có đời khác nữa, sao ông còn chấp trước tà kiến của ông.

— Tôi cũng chưa tin. Vì tôi có người thân tín đau nặng sắp chết. Tôi đến nói người ấy rằng: « Các vị Sa-môn nói những lai giữ trọn 5 giới thời sau khi chết được sanh lên cõi trời Đạo Lợi. Tôi không tin vì tôi chưa từng thấy có ai giữ 5 giới, sau khi chết rồi, trở lên nói cho tôi biết chỗ được thác sanh như thế nào. Nay ông là người thân tín của tôi, ông lại giữ trọn năm giới. Sau khi ông từ trần, thế nào cũng được sanh lên cõi Đạo Lợi. Vậy nếu thiệt ông được sanh lên cõi ấy, ông hãy về nói lại cho tôi tin ». Nhưng từ khi ông ấy chết đến nay ông chưa trở lại báo tin cho tôi biết gì cả. Ông ấy là người thân tín của tôi, chưa bao giờ sai lời hứa một lần nào, cho nên tôi tin chắc rằng không có đời sau ».

— 8 cõi Diêm-phù-Đề, 100 năm bằng một đêm một ngày ở cõi Đạo Lợi. Người kia được sanh lên cõi trời Đạo Lợi nghĩ rằng mình nên hưởng những sự sung sướng ở cõi Trời này hai ba ngày, rồi sau sẽ về tin lại cũng được. Nhưng ba ngày ở cõi Đạo Lợi bằng 300 năm ở cõi Diêm-phù-Đề, ông khi ấy đã chết rồi, làm sao còn gặp người thân tín của ông?

— Tôi cũng chưa tin. Ai nói cho Ngài biết rằng ở cõi trời Đạo Lợi, chúng sanh thọ mạng như vậy.

— Tôi sẽ dùng thí-dụ cho ông rõ. Như có người mới sanh ra đã mù, không biết được 5 món chánh sắc, không thấy

mặt trời mặt trăng, núi sông hang ngòi. Nếu có ai nói có 5 chánh sắc, có mặt trời, mặt trăng, núi sông hang ngòi, người ấy cứ khăng khăng nói rằng không có, thời thật là vô lý. Ông này cũng vậy. Trên cõi Đạo Lợi, sự thọ mạng là như vậy, ông tự không thấy, lại cho là không có, thật là vô lý.

— Tôi cũng chưa tin. Có người trong thôn phạm tội làm giặc. Tôi bắt được, đem bỏ vào cái nồi thật lớn, lấy đất dày bao bít xung quanh không cho một lỗ hở nào. Rồi tôi sai người dùng lửa đốt. Tôi muốn tìm thử coi linh hồn của người làm giặc ấy thoát ra chỗ nào, nhưng không thấy. Tôi sai tháo đất, mở nồi để tìm linh hồn ra chỗ nào, tôi cũng không thấy. Vậy nên tôi không tin có đời sau.

— Ông ở lâu cao, chắc cũng nằm ngủ mộng thấy núi non sông ngòi vườn ao. Khi ông nằm mộng thấy như vậy thời những kẻ hầu hạ ông có thấy thức thần của ông ra vào không? Lễ dĩ nhiên là không. Ông còn sống mà không thể thấy thần thức được, huống nữa là sau khi ông đã chết. Chỉ riêng các vị Sa môn nhờ định lực tu hành chứng được thiên nhãn mới có thể thấy được chúng sanh sau khi chết, tùy theo nghiệp riêng thần thức thác sanh vào các cõi. Còn cặp mắt ô trược của ông, thời làm sao thấy được. Vậy nên biết có đời sau.

— Tôi cũng chưa tin. Có người trong thôn phạm tội làm giặc. Tôi bắt được, sai người lột da để tìm thần thức mà cũng không thấy. Tôi sai người cắt thịt để tìm thần thức, cắt gân mạch, giã xương tùy để tìm thần thức, nhưng tôi tìm không thấy. Do vậy tôi tin rằng không có đời sau.

— Tôi sẽ dùng thí dụ cho ông rõ. Như có một nước còn sơ khai hoang dại. Có 500 người đi buôn, đến trú một khu rừng có một vị Phạm chí thờ lửa. Sau khi đi, bỏ sót lại một đứa con nít một tuổi. Vị Phạm chí liền đem về nuôi cho đến lúc 10 tuổi. Một hôm người Phạm chí có việc đi xa, giao cho đứa con nít giữ ngọn lửa thờ đừng cho tắt. Nếu có tắt thì chà xát cây khô để lấy lửa. Đứa con nít vì ham chơi nên để ngọn lửa thờ tắt, liền lấy búa bửa củi để tìm lửa mà

cũng không thấy. Vị Phạm chỉ về thấy vậy, liền dùng cây khô chà sát thời được lửa đỏ, và dạy đũa con nít không nên bừa củi hay dùng cối mà giả nhỏ để tìm lửa. Ông cũng như vậy. Ông muốn chặt tử-thi người chết mà tìm thức thần thời không thể được. Chỉ riêng các vị Tỳ-kheo tu hành tinh tấn chứng thiên nhãn mới có thể thấy chúng sanh sau khi chết phải đi đâu thai như thế nào. Ông không thể dùng con mắt thịt của ông mà thấy chỗ thác sanh của mọi loài được. Vậy ông nên biết có đời sau.

— Tôi cũng chưa tin. Có người trong thôn làm giặc bị bắt. Tôi sai đem cân sống người ấy. Rồi tôi bảo đem giết người ấy đi nhưng giữ không cho phạm đến da thịt và khi đã chết, tôi sai đem cân thì thấy rằng thân người chết nặng hơn. Người kia khi còn sống, còn có thức thần, nhan sắc tươi đẹp, đem cân lại nhẹ. Đến khi chết không có thức thần, không có nhan sắc, đem cân lại nặng. Như vậy tôi rõ không có đời sau nữa.

— Tôi nay hỏi ông. Ông lấy miếng sắt nguội đem cân, rồi nung đốt miếng sắt ấy đem cân lại. Miếng sắt nóng có quang sắc, nhu nhuyễn mà nhẹ. Miếng sắt nguội không có quang sắc, cứng rắn mà nặng hơn. Thân người cũng vậy. Khi sống có nhan sắc nhu nhuyễn mà nhẹ. Khi chết không có nhan sắc, cứng rắn mà nặng hơn. Như vậy tất có đời sau.

— Tôi cũng chưa tin. Tôi có người thân tín, đau bệnh rất nặng. Tôi đến bên người ấy, khiến đỡ nằm bên hông phải, người ấy trở qua trở lại, xem ngó như thường. Tôi lại khiến nằm bên tả, người ấy nằm sắp nằm giữa, xem ngó nói năng nhu thường. Rồi người ấy thở hơi cuối cùng. Tôi bảo đỡ người ấy nằm bên trái bên mặt, người ấy không còn trở qua trở lại, xem ngó nói nữa. Do đó tôi biết không có đời trước.

— Tôi nay dùng thí dụ cho ông rõ. Xưa có một nước chưa bao giờ nghe tiếng còi. Lúc bấy giờ, có người thổi còi rất giỏi, đến tại nước kia, thổi nghe ba lần rồi đặt còi dưới đất. Người trong nước lấy làm quái lạ liền hỏi tiếng gì lạ vậy và do đâu mà có. Người thổi còi chỉ cái còi mà nói: « Đó là tiếng còi này

vậy». Những người xem liền lấy tay dụng cái còi và nói rằng : « Người hãy lên tiếng, người hãy lên tiếng đi ». Nhưng cái còi im lặng không kêu; người chủ liền cầm còi, thổi lên ba lần tiếng nghe rất hay. Như vậy tiếng kêu không phải do tự cái còi mà cần phải có tay cầm, miệng thổi và thổi hơi, còi mới kêu lên tiếng. Con người cũng vậy. Phải có thọ mạng, có thần thức, có hơi thổi ra vào, con người mới trở qua trở lại, xem ngó, nói năng. Vậy ông nên bỏ tà kiến để khỏi phải ngày đêm tự tăng sự khổ não.

— Tôi nay không bỏ đâu ; là vì từ khi tôi sanh ra, ngày đêm tụng đọc rèn tập đã lâu ngày rồi nên nay không thể bỏ được.

— Tôi nay sẽ dùng ví dụ cho ông rõ. Như có hai người cùng đi kiếm đồ vật, một người có trí một người ngu mê. Giữa đường thấy được cây gai, hai người liền lấy mỗi người mỗi bó mà vác đi. Đi một lát, lại thấy được dây gai, người có trí thấy giầy gai quý và tiện hơn, bèn bỏ cây gai lại mà lấy giầy gai. Người ngu nghĩ bụng đã tốn công buộc cây gai rồi nay bỏ lạ thì tiếc, nên không chịu lấy giầy gai. Đi một lát nữa, lại được vải gai. Người có trí liền bỏ giầy gai lại và lấy vải gai vác đi. Người ngu thì sợ uổng công buộc cây gai, nên cứ khăng khăng giữ cây gai như cũ. Lăn lữa gặp được vải quuyến, vải bạch điệp, bạch đồng, bạch ngân rồi đến được vàng quý. Lăn nào người có trí cũng bỏ vật mình giữ cũ, đổi lấy vật mới quý và tiện hơn. Còn người ngu thì cứ khăng khăng ôm lấy cây gai. Cuối cùng người có trí đem được vàng quý về nhà, được thân thích đón mừng hoan nghênh và tự mình thấy vui vẻ thỏa mãn. Còn người ngu kia đem bó gai về, bà con thân thích không ai vui lòng, cũng không đón tiếp và tự mình thấy khổ não khó chịu. Ông chớ nên khăng khăng ôm giữ tà kiến cũ, để tự rước khổ vào mình, thật chẳng khác kẻ ngu kia vì si mê mà chịu sự cực khổ.

— Tôi trọn đời cũng không bỏ chấp kiến của tôi. Vì rằng từ trước đến nay, tôi chỉ chuyên dạy chấp kiến ấy và tất cả vua chúa trong bốn phương, đều biết danh tôi là chủ trương thuyết đoạn diệt.



— Tôi sẽ dùng ví-dụ cho ông rõ. Có một đoàn lái buôn chở 1000 cỗ xe phải đi qua một cỏi hoang vu rộng lớn, đoàn xe chở lương thực củi nước nhưng không đủ cung cấp qua hết đường. Vị thương chủ liền chia làm hai đoàn, một đoàn đi trước một đoàn đi sau. Đoàn đi trước gặp một người rất dị-kỳ tới nói rằng: « Tôi từ một chỗ rất phồn-thịnh giàu sang đến đây, chỗ ấy rất nhiều lương thực, củi nước. Vậy các ông hãy bỏ đồ vật thực các ông đem theo, để đầy xe không theo tôi cho nhẹ, và tôi sẽ đưa các ông đến xứ đầy đủ giàu có kia ». Cả đoàn đi buôn nghe theo, bỏ đồ vật thực lại để theo người kia, nhưng đi ngày này qua ngày khác cũng không thấy gì, sau cùng cả đoàn đều bị chết đói. Đoàn thứ hai đi sau cũng gặp lại người dị kỳ trên, cũng nghe lại lời quyến rũ như trước, nhưng đoàn đi buôn này không chịu bỏ vật thực ở lại vì nghĩ rằng cần phải đích thân tìm được lương thực củi gạo đã, rồi mới chịu bỏ đồ củ. Nhờ vậy mà khỏi bị người kỳ-dị kia dụ dỗ và khỏi nạn chết đói.

Ông nay cũng vậy. Tất cả những ai nghe theo học thuyết của ông thời sẽ như đoàn người đi buôn thứ nhất, phải bị nguy hại.

Còn những ai nghe theo lời các vị Sa-môn trí huệ sáng-suốt thời ngày đêm được an tịnh sung sướng, như đoàn đi buôn thứ hai nhờ có trí huệ mà thoát khỏi ách nạn.

— Tôi trọn đời cũng không chịu bỏ chấp kiến của tôi. Dầu có ai tới cưỡng bách tôi, thời chỉ làm tôi tức giận mà thôi, tôi trọn đời không chịu bỏ.

— Tôi sẽ dùng ví-dụ cho ông rõ. Như có một nhà nuôi heo đi gặp đồng phân khô, bèn lấy lá gói lại, đội trên đầu mà về để cho heo nhà ăn. Giữa đường gặp mưa, phân gặp nước chảy từ đầu đến chân nhớp nhúa thối tha vô cùng. Mọi

người thấy vậy đều chê cười và cho là điên rồ. Người kia tức giận mắng rằng: « Các ông thật là si mê. Các ông sao lại không biết nhà tôi có nuôi heo và cần có phân này đem về để cho ăn ».

Ông nay cũng vậy. Nếu ông cứ chấp trước ác kiến của ông, thời sẽ như người ngu kia đội phân mà đi, đã bị mọi người chế, cười, rồi trở lại bảo mọi người là ngu si.

— Nếu Ngài đã nói rằng, làm điều lành được sanh lên cõi Trời, chết hơn là sống thời sao các Ngài lại không lấy dao tự mổ hay uống thuốc độc mà chết đi.

— Tôi sẽ dùng ví dụ cho ông rõ. Xưa ở thôn Tư Ba Hê, có một vị Phạm chí tuổi đã 120, có hai người vợ, người đầu sanh được đứa con trai, người thứ hai đang có thai. Vị Phạm chí bị bệnh mất, người con trai của vợ cả đòi lấy hết cả phần gia tài. Người vợ thứ nói rằng: « Hãy đợi cho tôi sanh con đã. Nếu tôi sanh con trai thời có quyền hưởng một phần gia tài. Nếu tôi sanh con gái, thời gia tài ấy trọn quyền của ông. » Nhưng người có con trai cứ đòi hỏi và bức bách quá, người vợ thứ bèn lấy dao sắc mổ bụng mình xem thử là con trai hay con gái, không ngờ mình tự giết mình, lại giết luôn cả bào thai.

Ông nay cũng vậy. Ông đã tự giết ông, ông lại còn muốn giết mọi người với sự tà kiến của ông. Trái lại, các vị sa môn giới đức đầy đủ, trí huệ sáng suốt, thời ở đời lâu chừng nào, càng đem sự an lạc cho chúng sanh từng nấy. Tôi nay lại lấy một ví dụ cuối cùng để cho ông rõ sự nguy hại của tà kiến. Xưa ở thôn Tư Bà Hê có hai người uống thuốc hoàn cùng nhau thì tài. Người thua cuộc hẹn người thắng cuộc ngày mai đến thử sức lại. Rồi người thua về nhà, đem hoàn thuốc tằm thuốc độc, phơi cho thật khô. Ngày mai đem hoàn thuốc tằm thuốc độc, giao cho người đánh thắng cuộc chơi trước. Người này vô tình nuốt hoàn thuốc độc phải bỏ mình ông nay cũng vậy. Phải bỏ ngay tà kiến, chớ

có kháng kháng chấp giữ mà tự hại mình, như người uống thuốc hoàn kia bị thuốc độc mà không biết.

Lúc bấy giờ người Bà La Môn mới thưa rằng: Bạch Tôn giả, khi Ngài mới dùng ví dụ mặt trăng, tôi đã hiểu ngay nhưng sở dĩ tôi hỏi qua gạn lại, là muốn cho tất cả mọi người thấy rõ tài biện bác của Ngài và khỏi phát chánh tín kiên cố. Tôi nay đã có lòng tín thọ, xin nguyện quy y với Ngài. Ngài Ca Diếp nói: « Ông chớ quy y với tôi. Ông hãy quy y đức Phật đấng vô thượng tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. » Ông Tệ Túc liền vâng lời Ngài Ca Diếp, quy y Tam Bảo, xin làm vị Ưu bà Tắc, thọ giữ năm giới, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu, và xin phát nguyện mở một đại thí hội, đề bố thí cùng khắp. Ngài Ca Diếp nói rằng: « Ông chớ có sát hại sanh linh, chớ có đập đánh tôi tớ trong khi lập đàn bố thí, vì như vậy không phải là tịnh phước. Cũng như đám đất hoang vu đầy sỏi đá chỉ sanh gai góc, bố thí mà sát sanh đánh đập, và bố thí cho những hạng tà kiến, thời không phải là tịnh phước. Ông bố thí không sát sinh, không đánh đập, hoan hỷ thiết hội bố thí cho chúng thanh tịnh, thời sẽ được phước rất lớn. Cũng như ruộng tốt, đúng thời mà trồng cây, thời thế nào cũng có trái mà dùng. »

Phỏng dịch kinh Trường A Hàm

# Theo gót người xưa

(Trích trong bài Diễn-văn của Bác-sĩ G. P. Malalasekera, Hội-Trưởng Hội Phật-Giáo Quốc-Tế đọc tại Hội-Nghị Phật-Giáo Quốc-Tế ở Tích-Lan từ 25-5 đến 6-6-1950 vừa rồi)

Mặc dầu đức Phật sinh trưởng ở Ấn-độ nhưng lại chính từ ở đất Tích-Lan mà Đạo Ngài được rộng truyền và thâm nhập các xứ Nam-Á và Viễn-Đông. Ngày nay một lần thứ hai nữa, thế-giới sửa soạn để chấp nhận sự quản-đốc của Tích-Lan trong sứ mệnh truyền bá đạo Phật Hội Phật-Giáo Quốc-Tế vừa mới thành lập đây, đã đem lại cho Tích-Lan dịp may để trở nên, trong lần thứ nhì này, một bó đuốc tung sáng chói ngời soi khắp cho cả nhân-loại....

Trong mấy năm gần đây, thời cuộc đã dồn dập biến đổi tình-hình Viễn-Đông một cách mau lẹ phi thường: sự trạng mới này có thể có một ảnh-hưởng vô cùng lớn lao với tiền đồ của toàn thể thế-giới. Chính ở những xứ đã xảy ra những biến cố lớn lao ấy lại là những xứ có hàng triệu sinh-linh đang tôn thờ Đức Thánh họ Thích-Ca làm Thầy-Chỉ-Đạo. Hơn một phần năm nhân-loại là tín-đồ Phật-Giáo, và thành-phần này tiêu-biểu cho một trách-nhiệm lớn lao trong công cuộc xây dựng hòa-bình và hạnh-phúc của thế-giới.

Lực-lượng mà tín-đồ Phật-giáo nắm trong tay để có thể thực hiện điều thiện một cách cụ-thể (nếu họ thực lòng theo đúng đường lối của Phật dạy) rất là lớn lao, và không vì kẻ khác xuyên tạc mà giảm bớt đi được.

Hội Phật-Giáo Quốc-Tế đã tạo được giữa hàng tín đồ tình nhất trí, giây tương-liên mà trước đây chưa có,

và trên khắp hoàn cầu chỗ nào người Phật-tử cũng sẵn sàng đem ảnh-hưởng của mình ra gieo rắc để phụng sự cho hòa bình, cho nhân loại...

Giữa những chiến tranh «nóng» hay «lạnh», thế-giới bị đẩy dồn vào một ngõ hẻm không có lối ra, và trong ngõ bí ấy một nền bất an, một sự khốn cùng càng ngày càng tăng trưởng, đang bao trùm và hăm dọa nhân loại mỗi ngày mỗi bức bách thêm lên. Trong đó, con người dương lược đặt lùi trên đường đạo-dức và lý trí một cách khốc thảm...

Hàng triệu người hiện tin rằng có một làn tay huyền bí đang điều khiển các sự tranh chấp ấy và đến cuối cùng thế nào bàn tay đó cũng hóa phép dần xếp yên để gở rối. Đối với Phật-Giáo, tin như thế chỉ là một cuồn tín hảo huyễn đưa người tin đến sự thất vọng cay chua. Những sự tranh chấp đã là do con người tạo ra thì cũng phải chỉ do con người mới giải quyết nổi. Dưới mắt người Phật-tử hai lý-tưởng dương tranh hùng trên thế giới ngày nay là phát sinh từ cái nguồn gốc mà Đức Phật đã xác nhận là bỉ-ối xấu-xa và chắc chắn nó sẽ dắt dẫn con người đến những nỗi đau thương; cái nguồn gốc tội lỗi ấy là : tham, sân và si.

Trong thời đại bấp bênh mà chúng ta dương trải qua một trách-nhiệm tinh-thần rất đặc biệt đè nặng lên vai mỗi một cá-nhân trong sự tự định đoạt lấy một đạo sống tích cực nào cho thuận với đời mà không hại nhân cách. Nhưng làm sao mà mỗi cá-nhân tự định đoạt lấy được, nếu các con đường không được trình bày đầy đủ để họ tự-do chọn lựa? Vì vậy, vấn đề tối cấp bách được đặt ra là bổn-phận tối-cao của người Phật-tử phải truyền bá khắp nơi trên thế giới đạo sống theo như Giáo-lý mà mình đã được hấp thụ...

Chúng ta dương sống trong một thế giới mà thế lực của nền thương mại, nền kỹ nghệ và quyền lợi đã tha

hồ nhồi nặn và lấn áp tất cả. Chúng ta phải nói lại cho họ biết những gì Phật đã dạy về các vấn đề ấy, và làm cho họ biết thế nào là thái độ Phật Giáo chân chính (đúng với giáo lý của nhà Phật, không pha trộn xuyên tạc) đối với ba nền tảng căn bản của xã hội ngày nay là : cần lao, tư hữu, và kim tiền...

Khoa-học không giải-quyết được nỗi thống khổ của nhân loại ; nó chỉ làm cho bí mật của vũ trụ càng dày đặc thêm và lần hồi chứng minh rằng một bí mật chưa khám phá xong dẫn đến một bí mật nơi khác không bao giờ cùng. Nó không hiến cho loài người một phương châm nào thiết thiết giúp ích cho đạo sống. Chỉ tôn-giáo mới cần đáng nỗi trọng trách ấy, nhưng phải là một tôn giáo gì đặt trách nhiệm hành vi của con người lên trên vai của chính con người đã tạo ra, chứ không phải đổ lỗi hàm hồ cho một sức huyền bí ở ngoài mà người ta không bao giờ kiểm soát được; nó phải là một tôn-giáo chưa bao giờ lợi dụng sự cùng khốn của nhân loại để làm tăng thêm sự khiếp đảm rồi nhân đó mà ép buộc người ta tin theo.....

Vậy bổn phận của những xứ Phật-Giáo là phải đem lại hòa bình và hạnh phúc ở những nơi nào mà kẻ khác đã thất bại....

Hội nghị Phật-Giáo Quốc-Tế đã công-bố rằng những vấn đề mới đã được đặt ra vì thời cuộc mới, thì cũng tin rằng những vấn đề đó sẽ được giải quyết tùy theo thái độ của người Phật tử, chúng ta phải «TUNG» hòa bình ra. Ở đây cũng như một nơi khác, thắng lợi chỉ về phần những ai có sáng kiến và cương quyết đeo đuổi sáng kiến...

Ở đất Tích-Lan này, chúng ta đã có một Tổng trụ sở. Từ chốn này, ngày xưa, biết bao sứ giả đã vượt bể băng ngàn mà truyền bá đạo Phật khắp nơi. Nay đến lượt chúng ta cần phải làm một sự cố gắng mới. Phải chụp lấy cơ hội để cảm hóa nhân loại và đem thế giới về với Phật Đà !

# CÙNG TOÀN THỂ PHẬT TỬ

Tờ VIÊN ÂM là cơ quan hoằng - pháp - độc nhất của Hội Việt-Nam Phật-Học Trung-Việt và cũng là cơ quan truyền bá Phật Pháp trường cửu nhất ở Việt-Nam.

Tờ VIÊN-ÂM là tất cả sự cố gắng của Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học đề tuyên-dương duy trì CHÁNH PHÁP, đề phổ cập CHÁNH PHÁP vào tất cả tầng lớp Phật tử và Hội viên Hội Việt - Nam Phật - Học. Tờ VIÊN ÂM phải là tiếng nói viên mãn chung cho toàn thể Phật tử và phải được sự ủng hộ của toàn thể Phật-tử.

Chúng tôi tha thiết trông mong toàn thể Phật tử, toàn thể Hội viên hãy ủng hộ VIÊN ÂM bằng cách :

— Viết bài cho VIÊN ÂM và giúp những sáng kiến cho VIÊN ÂM ngày một tiến mạnh trên con đường hoằng pháp.

— Tự mình là độc giả dài hạn của VIÊN ÂM và giới thiệu ít nhất được một độc giả dài hạn cho VIÊN ÂM.

— Tự mình phát tâm làm một cở-động-viên cho VIÊN ÂM.

Có vậy, tờ VIÊN ÂM mới là tờ báo chung của toàn thể Phật tử, tờ VIÊN ÂM sẽ được miền trường và hàng Phật tử chúng ta mới làm tròn nhiệm vụ Hoằng - Pháp và Hộ - Pháp.

VIÊN - ÂM

## THƯ - TIN

Xin chân thành cảm tạ các bạn đã  
gửi bài đến đăng vào Viên Âm. Rất  
nhiều bài có giá trị. Chúng tôi sẽ theo  
thứ tự lựa đăng dần.

*Kính mong các bạn hoan hỷ.*

## GIÁ BÁO

Mỗi Số	3\$00
3 Tháng	13\$00
6 Tháng	28\$00
1 Năm	38\$00

## GIAO - THIỆP

1) Thư từ bài vở xin gửi :

TÒA - SOẠN VIÊN - ÂM

Số 1 đường Nguyễn Hoàng - Huế

2) Ngân phiếu và thẻ lệ mua  
báo xin gửi :

Ô. TÒN - THẮT - HÀNG

Số 1 đường Nguyễn Hoàng - Huế